

## **THÔNG BÁO**

### **Tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 2 năm 2023**

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 2 năm 2023 như sau:

#### **1. Hình thức tuyển sinh:**

Xét tuyển vào một trong hai chương trình: chương trình đào tạo (CTĐT) chuẩn hoặc CTĐT theo Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (Đề án 89).

#### **2. Điều kiện dự tuyển**

Người dự tuyển vào CTĐT tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (chi tiết tham khảo [Phụ lục 4](#) của thông báo này). Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận;

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết

cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn;

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động NCS vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của NCS (nếu có).

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo;

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo;

- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của CTĐT là tiếng Anh, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Một trong các chứng chỉ tiếng Anh tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực tiếng Anh 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN công nhận (quy định tại [Phụ lục 2](#) và [Phụ lục 3](#)).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng kí theo học CTĐT tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt

dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021.

Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 của Quy định xét cấp học bổng của ĐHQGHN cho NCS và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo Quyết định số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

### **3. Hồ sơ dự tuyển**

Hồ sơ dự tuyển đào tạo tiến sĩ (biểu mẫu được đăng trên website của Trường ĐHKHTN, <http://tuyensinh.hus.vnu.edu.vn/sau-dai-hoc.html>), bao gồm:

- 01 đơn đăng ký dự tuyển (theo Mẫu 1C, riêng cho CTĐT chuẩn/CTĐT theo Đề án 89);
- 01 bản cam kết (theo Mẫu 2C, riêng cho CTĐT theo Đề án 89);
- 01 sơ yếu lí lịch (theo Mẫu 3C);
- 01 lí lịch khoa học (theo Mẫu 4C);
- 02 bản sao (công chứng) các giấy tờ: bằng, bảng điểm đại học; bằng, bảng điểm thạc sĩ, văn bằng/chứng chỉ tiếng Anh; chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
- 07 bản đề cương nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu, nội dung như ở Mục 2;
- Thư giới thiệu của tối thiểu 1 nhà khoa học (mỗi người giới thiệu 02 thư) theo quy định như ở Mục 2;
- 01 giấy khám sức khỏe (của một cơ sở y tế có thẩm quyền mới cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

Tất cả hồ sơ trên được bỏ vào 1 túi hồ sơ, bên ngoài có dán bìa hồ sơ (theo Mẫu 5C, riêng cho CTĐT chuẩn/CTĐT theo Đề án 89).

Ngoài ra, các NCS đăng ký xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc nộp thêm các giấy tờ sau:

- 02 bản cam kết thực hiện các quy định của ĐHQGHN về việc xét học bổng cho NCS có năng lực xuất sắc (Mẫu 1D);
- 02 đơn xin cấp học bổng lần đầu (Mẫu 2D);
- 02 bản sao giấy khai sinh.

#### 4. Tổ chức xét tuyển

- Thời gian tổ chức xét tuyển NCS tại các tiểu ban chuyên môn: từ ngày 11/9/2023 đến ngày 18/9/2023.
- Công bố kết quả tuyển sinh trước ngày 27/9/2023.
- Thông báo trúng tuyển: trước ngày 09/10/2023; khai giảng: tháng 11/2023 (dự kiến).
- Chỉ tiêu tuyển sinh: 41 NCS (chi tiết như trong [Phụ lục 1](#)).

#### 5. Đăng kí dự tuyển

##### 5.1. Việc đăng kí dự tuyển được thực hiện theo hai bước:

**Bước 1:** Đăng kí trên phần mềm tuyển sinh sau đại học:

- Người dự tuyển truy cập vào phần mềm đăng kí tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng kí dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn. Người dự tuyển đã đăng kí tài khoản trong những kì tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kì đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng kí dự tuyển. Người dự tuyển phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. Người dự tuyển không hoàn thành việc đăng kí trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển.

- Thời gian đăng kí: đến 17h00 ngày 30/8/2023.

**Bước 2:** Nộp hồ sơ:

- Người dự tuyển chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ và sắp xếp theo thứ tự ở Mục 3.
- Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính từ ngày 15/8/2023 đến ngày 30/8/2023 (trừ thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ).
- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo (phòng 404 nhà T1), Trường ĐHKHTN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

*Chú ý: Thí sinh đăng kí xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc, ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng kí xét cấp học bổng tại địa chỉ <http://hocbong.vnu.edu.vn>*

##### 5.2. Lệ phí dự tuyển:

Lệ phí dự tuyển là: 260.000 đồng (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn) được nộp bằng cách chuyển khoản, nội dung chuyển khoản như sau:

- Cấu trúc lệnh chuyển tiền nộp lệ phí tuyển sinh:

**CK LPTSSDH <2023> [Mã đăng kí dự tuyển của thí sinh][Họ tên thí sinh]**

- Số tài khoản: 22210000586899 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Thanh Xuân.

Mã đăng kí dự tuyển của thí sinh được cấp khi thí sinh đăng kí thành công trên cổng thông tin tuyển sinh.

**6. Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn NCS kèm theo danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đang thực hiện hoặc có kế hoạch triển khai:** Chi tiết theo [Phụ lục 5](#).

## **7. Học phí, học bổng**

### **7.1. Học phí:**

Học phí, lộ trình tăng học phí của hệ đào tạo tiến sĩ tuân theo quy định của nhà nước và các quy định khác có liên quan.

### **7.2. Học bổng:**

- Học bổng hỗ trợ học tập theo quy định của Trường ĐHKHTN và của ĐHQGHN.
- Học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc của ĐHQGHN.
- Học bổng tài trợ do các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân tài trợ.

### **Thông tin chi tiết xin liên hệ:**

- Phòng Đào tạo (Phòng 404 nhà T1), Trường ĐHKHTN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: 02435578435, E-mail: [saudaihoc@hus.edu.vn](mailto:saudaihoc@hus.edu.vn).

### **Nơi nhận:**

- Các sở, ban, ngành;
- Các trường đại học, viện nghiên cứu;
- ĐHQGHN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các khoa, Trung tâm CNTT&TT (để p/h);
- Lưu VT, ĐT, HĐ50.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
CHỦ TỊCH HĐQT SAU ĐẠI HỌC**

**(đã kí)**

**GS.TS. Lê Thanh Sơn**

**Phụ lục 1**  
**Các chuyên ngành đào tạo tiến sĩ tại Trường ĐHKHTN**

STT	Chuyên ngành	Ngành	Chỉ tiêu
1.	Toán giải tích*	Toán học	4
2.	Phương trình vi phân và tích phân*		
3.	Đại số và lý thuyết số*		
4.	Toán ứng dụng*	Toán ứng dụng	1
5.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học*		
6.	Cơ sở toán cho tin học*	Toán tin	1
7.	Cơ học vật rắn*	Cơ học	1
8.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán*	Vật lý học	6
9.	Vật lý chất rắn*		
10.	Vật lý vô tuyến và điện tử*		
11.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân*		
12.	Quang học*		
13.	Vật lý địa cầu*		
14.	Vật lý nhiệt*		
15.	Hoá vô cơ*	Hóa học	3
16.	Hoá hữu cơ*		
17.	Hoá phân tích*		
18.	Hoá lý thuyết và hóa lí*		
19.	Hoá môi trường*		
20.	Hoá dầu*	Kỹ thuật hóa học	1
21.	Nhân chủng học*	Sinh học	6
22.	Động vật học*		
23.	Sinh lí người và động vật*		
24.	Côn trùng học*		
25.	Vi sinh vật học*		
26.	Thực vật học*		
27.	Hoá sinh học*		
28.	Sinh thái học*		
29.	Di truyền học*		
30.	Bản đồ, viễn thám hệ thống tin địa lí	Địa lí	2
31.	Địa lí tự nhiên		
32.	Quản lí tài nguyên và môi trường*	Quản lí tài nguyên và môi trường	1

<b>STT</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Ngành</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
33.	Quản lí đất đai	Quản lí đất đai	2
34.	Địa chất học*	Địa chất học	2
35.	Thạch học khoáng vật và địa hóa*		
36.	Khí tượng học	Khí tượng và khí hậu học	2
37.	Thủy văn học	Thủy văn học	2
38.	Hải dương học*	Hải dương học	2
39.	Khoa học môi trường*	Khoa học môi trường	2
40.	Môi trường đất và nước*		
41.	Khoa học đất	Khoa học đất	1
42.	Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật môi trường	2
	<b>Tổng cộng</b>		<b>41</b>

**Ghi chú:**

- \*: Những chuyên ngành tuyển sinh cả hệ chuẩn và theo Đề án 89;
- Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng chuyên ngành có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế.

**Phụ lục 2****Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ tiếng Anh tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

<b>Khung năng lực ngoại ngữ VN</b>	<b>IELTS</b>	<b>TOEFL</b>	<b>Cambridge Exam</b>	<b>Vietnamese Standardized Test of English Proficiency</b>	<b>Aptis ESOL International Certificate*</b>
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)	Tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

**Ghi chú:**

- (\*): Chứng chỉ được cấp từ ngày 16/11/2022 bởi các công ty hoặc tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định 3646/QĐ-BGDĐT;
- Các chứng chỉ ngoại ngữ thi online không được công nhận.



**Phụ lục 3**  
**Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh được công nhận trong tuyển sinh đào tạo tiên sĩ của ĐHQGHN**

**I. Các trường đại học/học viện cấp chứng chỉ tiếng Anh**

1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN
2.	Trường ĐH Hà Nội
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng
6.	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội
8.	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM
9.	Đại học Thái Nguyên
10.	Trường ĐH Cần Thơ
11.	Trường ĐH Nam Cần Thơ
12.	Trường ĐH Vinh
13.	Học viện An ninh nhân dân
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
15.	Trường ĐH Thương mại
16.	Trường ĐH Ngoại thương
17.	Học viện Khoa học quân sự
18.	Học viện Cảnh sát nhân dân
19.	Trường ĐH Quy Nhơn
20.	Trường ĐH Tây Nguyên
21.	Trường ĐH Sài Gòn
22.	Trường ĐH Văn Lang
23.	Trường ĐH Trà Vinh
24.	Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM
25.	Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM
26.	Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP.HCM
27.	Trường ĐH Kinh tế Tài chính TP.HCM

*Ghi chú: Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.*

## II. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận		
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	
2.	British Council (BC)	√		
3.	International Development Program (IDP)	√		
4.	Cambridge ESOL	√		√

### Phụ lục 4

#### Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/ phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
1.	Toán giải tích	Toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương trình vi phân và tích phân</li> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Đại số và lí thuyết số</li> <li>- Hình học - tô pô</li> </ul>
2.	Phương trình vi phân và tích phân	Toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán giải tích</li> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Đại số và lí thuyết số</li> <li>- Hình học - tô pô</li> </ul>
3.	Đại số và lí thuyết số	Toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán giải tích</li> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Hình học - tô pô</li> </ul>
4.	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Toán kinh tế</li> <li>- Toán tài chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Toán giải tích</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> </ul>
5.	Cơ sở toán học cho tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học</li> <li>- Toán tin</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tin học</li> <li>- Công nghệ thông tin</li> <li>- Bảo đảm toán học cho máy tính và hệ thống tính toán</li> <li>- Khoa học dữ liệu</li> <li>- Các chuyên ngành của ngành toán học</li> </ul>
6.	Toán ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học</li> <li>- Toán ứng dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Đại số và lí thuyết số</li> <li>- Hình học - tô pô</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Toán giải tích</li> <li>- Phương trình vi phân và tích phân</li> </ul>
7.	Cơ học vật rắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán Cơ</li> <li>- Cơ học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ học chất lỏng</li> <li>- Cơ học chất lỏng và chất khí</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật cơ khí</li> <li>- Cơ kĩ thuật</li> <li>- Toán giải tích</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Đại số và lí thuyết số</li> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> </ul>

8.	Vật lí lí thuyết và vật lí toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Kỹ thuật điện tử và tin học</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật hạt nhân</li> <li>- Su phạm Vật lí</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> <li>- Thiên văn học</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí vô tuyến và điện tử</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Vật lí nhiệt</li> <li>- Vật lí địa cầu</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa lí</li> <li>- Lý sinh</li> <li>- Vật liệu và Linh kiện nano</li> <li>- Vật liệu điện tử</li> <li>- Khoa học và Công nghệ nano</li> </ul>
9.	Vật lí chất rắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí học</li> <li>- Su phạm Vật lí</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Kỹ thuật điện tử tin học</li> <li>- Kỹ thuật vật liệu</li> <li>- Khoa học và công nghệ nano</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> <li>- Vật lí ứng dụng</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Vật lí vô tuyến và điện tử</li> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lí nhiệt</li> <li>- Vật lí địa cầu</li> <li>- Kỹ thuật vật liệu</li> <li>- Khoa học và công nghệ nano</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> <li>- Kỹ thuật hoá học</li> <li>- Công nghệ hoá học</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật điện</li> <li>- Kỹ thuật Điện tử viễn thông</li> <li>- Cơ điện tử</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> </ul>
10.	Vật lí vô tuyến và điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Kỹ thuật điện tử và tin học</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật hạt nhân</li> <li>- Su phạm Vật lí</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> <li>- Thiên văn học</li> <li>- Kỹ thuật điện tử viễn thông</li> <li>- Vô tuyến điện</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Vật lí nhiệt</li> <li>- Vật lí địa cầu</li> <li>- Kỹ thuật điện</li> <li>- Kỹ thuật Điện tử viễn thông</li> <li>- Cơ điện tử</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa lí</li> <li>- Lý sinh</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Vật liệu và Linh kiện nano</li> <li>- Vật liệu điện tử</li> <li>- Khoa học và Công nghệ nano.</li> </ul>

11.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lý học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Kỹ thuật điện tử và tin học</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật hạt nhân</li> <li>- Su phạm Vật lý</li> <li>- Vật lý kỹ thuật</li> <li>- Thiên văn học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Vật lý lý thuyết và vật lý toán</li> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lý vô tuyến và điện tử</li> <li>- Vật lý chất rắn</li> <li>- Vật lý nhiệt</li> <li>- Vật lý địa cầu</li> <li>- Vật lý kỹ thuật</li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Hóa lí</li> <li>- Lí sinh</li> <li>- Kỹ thuật điện</li> <li>- Kỹ thuật Điện tử viễn thông</li> <li>- Cơ điện tử</li> <li>- Vật liệu và Linh kiện nano</li> <li>- Vật liệu điện tử</li> <li>- Khoa học và Công nghệ nano.</li> </ul>
12.	Quang học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lý học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Kỹ thuật điện tử và tin học</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật hạt nhân</li> <li>- Su phạm Vật lý</li> <li>- Vật lý kỹ thuật</li> <li>- Thiên văn học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Vật lý lý thuyết và vật lý toán</li> <li>- Vật lý chất rắn</li> <li>- Vật lý vô tuyến và điện tử</li> <li>- Vật lý nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Vật lý nhiệt</li> <li>- Vật lý địa cầu</li> <li>- Khoa học Vật liệu</li> <li>- Vật lý kỹ thuật</li> <li>- Vật liệu và Linh kiện nano</li> <li>- Vật liệu điện tử</li> <li>- Khoa học và Công nghệ nano.</li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Hóa lí</li> <li>- Lí sinh</li> <li>- Kỹ thuật điện</li> <li>- Kỹ thuật Điện tử viễn thông</li> <li>- Cơ điện tử</li> </ul>
13.	Vật lý địa cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lý học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Kỹ thuật điện tử và tin học</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật hạt nhân</li> <li>- Su phạm Vật lý</li> <li>- Vật lý kỹ thuật</li> <li>- Thiên văn học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Vật lý lý thuyết và vật lý toán</li> <li>- Vật lý chất rắn</li> <li>- Vật lý vô tuyến và điện tử</li> <li>- Vật lý nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Vật lý nhiệt</li> <li>- Quang học</li> <li>- Thiên văn học</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Hóa lí</li> <li>- Lí sinh</li> <li>- Địa lí học</li> <li>- Kỹ thuật điện</li> <li>- Kỹ thuật Điện tử viễn thông</li> <li>- Cơ điện tử</li> </ul>

14.	Vật lí nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Kỹ thuật điện tử và tin học</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật hạt nhân</li> <li>- Sư phạm Vật lí</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> <li>- Thiên văn học</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí vô tuyến và điện tử</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lý địa cầu</li> <li>- Vật liệu và Linh kiện nano</li> <li>- Vật liệu điện tử</li> <li>- Khoa học và Công nghệ nano.</li> <li>- Khoa học Vật liệu</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa lí</li> <li>- Lí sinh</li> <li>- Kỹ thuật điện</li> <li>- Kỹ thuật Điện tử viễn thông</li> <li>- Cơ điện tử</li> </ul>
15.	Hoá vô cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật hóa học</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Sư phạm Hóa học</li> <li>- Thạch học khoáng vật và địa hóa</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa sinh</li> <li>- Môi trường đất và nước</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> </ul>
16.	Hoá hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật hóa học</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa dược</li> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa sinh</li> </ul>
17.	Hoá dầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật hóa học</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Kỹ thuật lọc hóa dầu</li> <li>- Hóa dược</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa sinh</li> </ul>

18.	Hoá phân tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa lý thuyết và hóa lí</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Sự phạm Hóa học</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa sinh</li> </ul>
19.	Hoá lí thuyết và hóa lí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật hóa học</li> <li>- Hóa dược</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và Hóa lí</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Vật liệu cao phân tử và tổ hợp</li> <li>- Hóa học các hợp chất thiên nhiên</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Sự phạm Hóa học</li> <li>- Hóa sinh</li> <li>- Hóa sinh dược</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Vật lí nguyên tử</li> <li>- Kỹ thuật vật liệu</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Công nghệ nano</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> </ul>
20.	Hoá môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Công nghệ môi trường</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Hóa sinh</li> <li>- Sự phạm Hóa học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Quản lí tài nguyên và môi trường</li> <li>- Địa chất môi trường</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>

21.	Nhân chủng học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức: Sinh học thực nghiệm</p> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Di truyền học</li> <li>- Vi sinh vật học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Động vật học</li> <li>- Dịch tễ học</li> <li>- Nhân học</li> <li>- Khoa học Y sinh</li> </ul>
22.	Động vật học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy sinh vật học (có đối tượng nghiên cứu về động vật)</li> <li>- Sinh thái học (có đối tượng nghiên cứu về động vật)</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy sinh vật học (có đối tượng nghiên cứu không về động vật)</li> <li>- Sinh thái học (có đối tượng nghiên cứu không về động vật)</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Chăn nuôi</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Bệnh học thủy sản</li> <li>- Khai thác thủy sản</li> <li>- Quản lý thủy sản</li> <li>- Thú y</li> </ul>
23.	Sinh lí người và động vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức: Sinh học thực nghiệm</p> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động vật học</li> <li>- Di truyền học</li> <li>- Vi sinh vật học</li> <li>- Hóa sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>
24.	Côn trùng học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức: Động vật học</p> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy sinh vật học</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Thực vật học</li> <li>- Bảo vệ thực vật</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>
25.	Vi sinh vật học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học thực nghiệm</li> <li>- Hóa sinh học</li> <li>- Di truyền học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>
26.	Thực vật học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Thủy sinh vật học</li> <li>- Lâm học</li> <li>- Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng</li> <li>- Cây trồng</li> <li>- Bảo vệ thực vật</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>



27.	Hoá sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức: Sinh học thực nghiệm</p> <p>b) Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi sinh vật học</li> <li>- Di truyền học</li> <li>- Sinh lí người và động vật</li> <li>- Tế bào học</li> <li>- Sinh lí thực vật</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>
28.	Sinh thái học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động vật học</li> <li>- Thủy sinh vật học</li> <li>- Thực vật học</li> <li>- Quản lí tài nguyên và môi trường</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>
29.	Di truyền học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Kỹ thuật sinh học</li> <li>- Sinh học ứng dụng</li> </ul>	<p>Cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa sinh học</li> <li>- Sinh học thực nghiệm</li> <li>- Vi sinh vật học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>
30.	Bản đồ, viễn thám hệ thông tin địa lí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đồ học</li> <li>- Khoa học thông tin địa không gian</li> <li>- Địa lí tự nhiên</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đồ và GIS</li> <li>- Địa lí học</li> <li>- Sinh thái cảnh quan và môi trường</li> <li>- Trắc địa</li> <li>- Trắc địa bản đồ</li> <li>- Trắc địa ảnh - viễn thám và GIS</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tin học trắc địa</li> <li>- Địa chất</li> <li>- Môi trường/ Công nghệ môi trường</li> <li>- Khí tượng/ Thủy văn học/ Hải dương học</li> <li>- Quản lí tài nguyên thiên nhiên/ Quản lí đất đai/ Quản lí tài nguyên và môi trường</li> <li>- Lâm nghiệp</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Thổ nhưỡng</li> <li>- Quy hoạch đô thị/ Quản lí đô thị</li> <li>- Quy hoạch nông thôn</li> <li>- Quy hoạch kĩ thuật hạ tầng</li> <li>- Địa mạo và cổ địa lí</li> </ul>
31.	Địa lí tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lí tự nhiên</li> <li>- Địa lí học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lí tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Quản lí tài nguyên và môi trường</li> <li>- Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lí</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Khí tượng</li> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Hải dương học</li> <li>- Quản lí đất đai</li> <li>- Lâm nghiệp</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Sinh học</li> </ul>

32.	Quản lý tài nguyên và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lí tự nhiên</li> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lý học/ Địa lý tự nhiên/ Địa mạo và cổ địa lý/ Địa lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Bản đồ học/ Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý</li> <li>- Địa chất học/ Địa chất môi trường/ Kỹ thuật địa chất</li> <li>- Khoa học môi trường/ Môi trường và phát triển bền vững/ Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Khí tượng và khí hậu học/ Thủy văn học/ Hải dương học</li> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Quản lý biển đảo và đới bờ</li> <li>- Quy hoạch vùng và đô thị</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Quản lý tài nguyên rừng/ Quản lý thủy sản</li> <li>- Khoa học thông tin địa không gian</li> <li>- Sinh thái học/ Lâm học</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học/ Công nghệ sinh học</li> <li>- Khoa học cây trồng</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Khoáng vật học và địa hóa học</li> <li>- Địa vật lý/ Kỹ thuật địa vật lý</li> <li>- Quản lý đô thị và công trình</li> <li>- Quản lý khoa học và công nghệ</li> <li>- Kỹ thuật tài nguyên nước</li> <li>- Bảo vệ thực vật</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> <li>- Phát triển nông thôn</li> <li>- Lâm sinh</li> <li>- Biến đổi khí hậu và phát triển/ Biến đổi khí hậu</li> <li>- Quản lý phát triển đô thị</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Khoa học dữ liệu</li> <li>- Khoa học quản lý</li> <li>- Phát triển bền vững</li> <li>- Quản lý kinh tế</li> <li>- Quản lý xây dựng</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Di sản học</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Khảo cổ học</li> <li>- Khoa học dữ liệu</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo</li> <li>- Kỹ thuật trắc địa bản đồ</li> <li>- Du lịch</li> </ul>
33.	Quản lý đất đai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Địa chính</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lý học</li> <li>- Địa lý tự nhiên</li> <li>- Địa lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý</li> <li>- Kỹ thuật trắc địa - bản đồ</li> <li>- Bản đồ học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Môi trường đất và nước</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Quản lý tài nguyên rừng</li> </ul>

34.	Địa chất học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chất học</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa kỹ thuật - Địa môi trường</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> <li>- Kỹ thuật địa vật lý</li> <li>- Kỹ thuật thăm dò và khảo sát</li> <li>- Địa kỹ thuật xây dựng</li> </ul> </li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Kỹ thuật tuyển khoáng</li> <li>- Kỹ thuật mỏ</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</li> <li>- Hóa phân tích</li> </ul> </li> </ul>
35.	Thạch học khoáng vật và địa hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chất học</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa kỹ thuật - Địa môi trường</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> <li>- Kỹ thuật địa vật lý</li> <li>- Kỹ thuật thăm dò và khảo sát</li> </ul> </li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Kỹ thuật tuyển khoáng</li> <li>- Kỹ thuật mỏ</li> <li>- Địa kỹ thuật xây dựng</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</li> <li>- Hóa phân tích</li> </ul> </li> </ul>
36.	Khí tượng học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khí tượng học</li> <li>- Khí tượng và khí hậu học</li> <li>- Khoa học khí quyển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hải dương học</li> <li>- Khoa học biển</li> <li>- Vật lý biển</li> <li>- Thủy văn học</li> </ul> </li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật công trình biển</li> <li>- Thiên văn học</li> <li>- Cơ học</li> <li>- Khoa học máy tính và thông tin</li> <li>- Khoa học dữ liệu</li> <li>- Vật lý học</li> <li>- Hóa học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Toán học</li> </ul> </li> </ul>

37.	Thủy văn học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Thủy văn môi trường</li> <li>- Kỹ thuật tài nguyên nước</li> <li>- Quản lý tài nguyên nước</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> <li>- Địa chất thủy văn</li> <li>- Khí tượng học</li> <li>- Hải dương học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Địa lý tự nhiên</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Kỹ thuật công trình thủy</li> <li>- Tin học</li> <li>- Toán cơ</li> <li>- Toán - Tin ứng dụng</li> <li>- Khoa học dữ liệu</li> <li>- Vật lý</li> <li>- Hóa học</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Công nghệ thông tin</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> </ul>	<p>Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý và giám nhẹ thiên tai</li> <li>- Hải dương học</li> <li>- Khí tượng và khí hậu học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Địa chất môi trường</li> <li>- Địa lý tự nhiên</li> <li>- Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Vật lý địa cầu</li> <li>- Cơ học chất lỏng và chất khí</li> <li>- Thủy lợi - Thủy điện</li> <li>- Công trình thủy</li> </ul>
38.	Hải dương học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hải dương học</li> <li>- Kỹ thuật công trình biển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khí tượng học</li> <li>- Khí hậu học</li> <li>- Vật lý khí quyển</li> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Tài nguyên nước</li> <li>- Môi trường</li> <li>- Địa lý</li> <li>- Cơ học chất lỏng và chất khí</li> </ul>

39.	Khoa học môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật môi trường</li> <li>- Công nghệ vật liệu nông nghiệp</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Địa chất môi trường</li> <li>- Địa lí</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Khoa học trái đất</li> <li>- Khoa học và công nghệ thực phẩm</li> <li>- Kinh tế môi trường</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> <li>- Kinh tế phát triển bền vững</li> <li>- Lâm sinh</li> <li>- Môi trường, sức khỏe và an toàn</li> <li>- Nông học</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Quản lý đô thị và công trình</li> <li>- Quản lý rủi ro thiên tai và PTBV</li> <li>- Quản lý và phát triển đô thị</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Sinh thái nhân văn và quy hoạch</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> </ul>	<p>a) Không cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo tồn thiên nhiên</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Các ngành/chuyên ngành khối Khoa học trái đất của Trường ĐHKHTN</li> <li>- Khoa học bền vững và Phát triển bền vững</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Kinh tế môi trường</li> <li>- Kinh tế tài nguyên</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> <li>- Môi trường và năng lượng</li> <li>- Nông nghiệp bền vững và an ninh lương thực</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Sinh thái cảnh quan và môi trường</li> <li>- Quản lý và chính sách môi trường</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Địa kỹ thuật - Địa môi trường</li> <li>- Quản lý rủi ro thiên tai và PTBV</li> <li>- Sinh thái nhân văn và quy hoạch</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> </ul> <p>b) Cần bổ sung kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Lâm sinh</li> <li>- Nông học</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Quản lý và phát triển đô thị</li> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Các chuyên ngành thuộc ngành Hóa học hoặc sinh học</li> <li>- Quản trị an ninh phi truyền thống</li> <li>- Chính sách công</li> <li>- Công nghệ hóa sinh thực phẩm</li> <li>- Khoa học cây trồng</li> <li>- Khoa học dữ liệu</li> <li>- Khoa học quản lý</li> <li>- Quản lý phát triển bất động sản và đô thị thông minh</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo</li> </ul>
-----	---------------------	---	---

40.	Môi trường đất và nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật môi trường</li> <li>- Công nghệ vật liệu nông nghiệp</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Địa chất môi trường</li> <li>- Địa lý</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Khoa học trái đất</li> <li>- Khoa học và công nghệ thực phẩm</li> <li>- Kinh tế môi trường</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> <li>- Kinh tế phát triển bền vững</li> <li>- Lâm sinh</li> <li>- Môi trường, sức khỏe và an toàn</li> <li>- Nông học</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Quản lý đô thị và công trình</li> <li>- Quản lý rủi ro thiên tai và PTBV</li> <li>- Quản lý và phát triển đô thị</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Sinh thái nhân văn và quy hoạch</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Bảo tồn thiên nhiên</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Các ngành/chuyên ngành khối Khoa học trái đất của Trường ĐHKHTN</li> <li>- Khoa học bền vững và Phát triển bền vững</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Kinh tế môi trường</li> <li>- Kinh tế tài nguyên</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> <li>- Môi trường và năng lượng</li> <li>- Nông nghiệp bền vững và an ninh lương thực</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Sinh thái cảnh quan và môi trường</li> <li>- Quản lý và chính sách môi trường</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Địa kỹ thuật - Địa môi trường</li> <li>- Quản lý rủi ro thiên tai và PTBV</li> <li>- Sinh thái nhân văn và quy hoạch</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Hóa học</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Lâm sinh</li> <li>- Nông học</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Quản lý và phát triển đô thị</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Các chuyên ngành thuộc ngành Hóa học hoặc sinh học</li> <li>- Quản trị an ninh phi truyền thống</li> <li>- Chính sách công</li> <li>- Công nghệ hóa sinh thực phẩm</li> <li>- Khoa học cây trồng</li> <li>- Khoa học dữ liệu</li> <li>- Khoa học quản lý</li> <li>- Quản lý phát triển bất động sản và đô thị thông minh</li> </ul>
-----	------------------------	---	--

41.	Khoa học đất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật môi trường</li> <li>- Công nghệ vật liệu nông nghiệp</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Địa chất môi trường</li> <li>- Địa lí</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Khoa học cây trồng</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Khoa học trái đất</li> <li>- Khoa học và công nghệ thực phẩm</li> <li>- Kinh tế môi trường</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> <li>- Kinh tế phát triển bền vững</li> <li>- Lâm sinh</li> <li>- Nông học</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Quản lý đô thị và công trình</li> <li>- Quản lý và phát triển đô thị</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Sinh thái nhân văn và quy hoạch</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Thực vật học</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> <li>- Nông nghiệp bền vững và an ninh lương thực</li> <li>- Lâm sinh</li> <li>- Nông học</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Quản lý và phát triển đô thị</li> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Sinh thái cảnh quan và môi trường</li> <li>- Địa kỹ thuật - Địa môi trường</li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Các ngành/chuyên ngành khối Khoa học trái đất của Trường ĐHKHTN</li> <li>- Kinh tế tài nguyên</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Quản lý rủi ro thiên tai và PTBV</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Bảo tồn thiên nhiên</li> <li>- Sinh thái nhân văn và quy hoạch</li> <li>- Quản lý và chính sách môi trường</li> <li>- Hóa học</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Các chuyên ngành thuộc ngành Hóa học hoặc sinh học</li> <li>- Công nghệ hóa sinh thực phẩm</li> <li>- Khoa học cây trồng</li> <li>- Quản lý phát triển bất động sản và đô thị thông minh</li> </ul>
-----	--------------	--	--

42.	Kĩ thuật môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kĩ thuật môi trường</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật môi trường</li> <li>- Công nghệ vật liệu nông nghiệp</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Địa chất môi trường</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Khoa học trái đất</li> <li>- Khoa học và công nghệ thực phẩm</li> <li>- Kinh tế môi trường</li> <li>- Môi trường, sức khỏe và an toàn</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Quản lí đất đai</li> <li>- Quản lí và phát triển đô thị</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Sinh thái nhân văn và quy hoạch</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Bảo tồn thiên nhiên</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Các ngành/chuyên ngành khối Khoa học trái đất của Trường ĐHKHTN</li> <li>- Khoa học bền vững và Phát triển bền vững</li> <li>- Kinh tế tài nguyên</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Môi trường và năng lượng</li> <li>- Kinh tế môi trường</li> <li>- Pháp luật về tài nguyên và môi trường</li> <li>- Quản lý và chính sách môi trường</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> <li>b) Cần bổ sung kiến thức</li> <li>- Các chuyên ngành thuộc ngành sinh học hoặc hóa học</li> <li>- Nông nghiệp bền vững và an ninh lương thực</li> <li>- Khoa học và công nghệ nano</li> <li>- Công nghệ hóa sinh thực phẩm</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Quản lí đất đai</li> <li>- Khoa học cây trồng</li> <li>- Khoa học quản lí</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo</li> <li>- Quản lí và phát triển đô thị</li> <li>- Quản lí phát triển bất động sản và đô thị thông minh</li> <li>- Quản trị năng lượng và PTBV</li> </ul>
-----	---------------------	--	---



## Phụ lục 5

## Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn NCS, lĩnh vực nghiên cứu, hướng nghiên cứu

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
1.	PGS. TS. Lê Hồng Phương	- Khoa học dữ liệu - Học máy - Xử lý ngôn ngữ	- Một số phương pháp học tự động tích hợp cơ sở tri thức - Một số mô hình học tự động biểu diễn cấu trúc ngôn ngữ tự nhiên và ứng dụng	01	Đang đồng hướng dẫn 01 NCS năm cuối
2.	PGS.TS. Phó Đức Tài	Hình học đại số	- Mật mã khóa công khai từ các đường cong kỳ dị - Một số vấn đề về cấu trúc nhóm của đường cong elliptic	02	
3.	GS.TSKH. Vũ Hoàng Linh	- Giải tích số - Phương trình vi phân và hệ động lực	Miền ổn định của một số lớp phương trình vi phân và phương pháp số	01	Đang hướng dẫn 01 NCS
4.	PGS.TS. Nguyễn Thạc Dũng	Giải tích phức	Các hàm p-điều hòa có trọng và tính chất hình học, tô pô của các đa tạp Riemann	02	
5.	GS.TSKH. Nguyễn Hữu Việt Hưng	Tô pô Đại số	Đồng điều Margolis của bất biến dưới tác động của các nhóm con của nhóm tuyến tính tổng quát và K-lý thuyết Morava của các nhóm hữu hạn cổ điển	02	
6.	PGS.TS. Trần Thanh Tuấn	- Kỹ thuật tỷ số H/V - Truyền sóng mặt	- Kỹ thuật tỷ số H/V trong môi trường phân lớp phức tạp - Công thức xấp xỉ tỷ số H/V trong mô hình bán không gian phủ lớp mỏng	01	
7.	GS.TSKH. Đặng Hùng Thắng	Giải tích ngẫu nhiên	Một số vấn đề của giải tích ngẫu nhiên trên không gian Banach xác suất	02	
8.	TS. Nguyễn Hải Vinh	Mạng nơ ron nhân tạo	Hình học nhiệt đới và ứng dụng trong mạng nơ ron học sâu	01	
9.	TS. Đặng Anh Tuấn	Lý thuyết toán tử vi	Dạng điều tiệm cận của các phương trình tiến hóa	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		phân, lí thuyết phổ, giải tích điều hòa	và ứng dụng trong các phương trình vật lí toán		
10.	PGS. TS. Lê Minh Hà	Tôpô Đại số	Một số vấn đề về toán tử đối đồng điều	01	
11.	GS. TS. Phạm Chí Vĩnh	- Thuần nhất hóa (Homogenization) - Sóng mặt - Phương pháp hàm phức trong các bài toán truyền sóng mặt - Dạng tiệm cận của các phương trình tán sắc	- Thuần nhất hóa biên phân chia có độ nhám cao - Phương pháp tích phân đầu và sóng mặt - Các công thức vận tốc sóng Rayleigh và Stoneley - Sóng trong các cấu trúc mỏng	02	
12.	PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng	- Giải tích ngẫu nhiên - Lí thuyết xác suất và thống kê	- Một số ứng dụng của giải tích ngẫu nhiên Malliavin - Nghiên cứu tốc độ hội tụ trong định lí giới hạn cho các thống kê phi tuyến	01	
13.	PGS.TS. Lê Quý Thường	Hình học đại số	- Thớ Milnor motivic và phổ Hodge-Steenbrink của kì dị siêu mặt phức - Idêan bội và Giả thuyết đơn đạo cho các kì dị thuần nhất và kiểu Thom-Sebastiani suy rộng	01	
14.	TS. Phạm Văn Thăng	- Hình học độ đo và Hình học tổ hợp - Tổ hợp cộng tính	- Một số bài toán Ramsey hình học trong không gian hữu hạn - Một số chủ đề trong Tổ hợp cộng tính và Tổ hợp lí thuyết số - Sự tồn tại của các cấu trúc hình học trong các tập Fractal trong không gian Euclidean	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			- Lí thuyết hạn chế và ứng dụng trong Hình học tổ hợp		
15.	PGS.TS. Đào Phương Bắc	Nhóm đại số và Hình học đại số	Về tô pô của quỹ đạo dưới tác động của nhóm đại số	01	
16.	TS. Đỗ Thanh Hà	- Xử lý ảnh tài liệu - Học máy và trí tuệ nhân tạo - Thị giác máy tính - Xử lý ảnh y tế	- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý ảnh tài liệu - Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong nghiên cứu hỗ trợ chẩn đoán ung thư dựa trên hình ảnh		
17.	PGS.TS. Trần Hải Đức	- Vật lí học - Khoa học vật liệu	- Cải thiện tính chất tới hạn của vật liệu siêu dẫn loại II dạng khối và màng đáp ứng yêu cầu ứng dụng trong truyền tải điện - Nghiên cứu sự thay đổi tính chất địa phương và cơ chế thay đổi tính chất siêu dẫn của các hệ siêu dẫn loại II khi có chiếu xạ ion	02	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
18.	PGS. TS. Lê Tuấn Tú	- Vật lí học - Khoa học vật liệu	- Nghiên cứu vật liệu đa chức năng sắt từ-Carbon, ứng dụng trong kĩ thuật năng lượng - Ảnh hưởng của điều kiện chế tạo lên cấu trúc và tính chất của vật liệu nano ferrite	02	
19.	PGS.TS. Nguyễn Việt Tuyên	Vật lí chất rắn	- Nghiên cứu chế tạo và tính chất của vật liệu nano và màng mỏng bán dẫn - Nghiên cứu chế tạo và tính chất của vật liệu nano và màng mỏng kim loại quý - Ứng dụng Raman tăng cường bề mặt để phát hiện các chất độc nồng độ nhỏ	03	Hỗ trợ tham gia đề tài chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Học bổng VIN IF, học bổng Đại học Quốc gia...)
20.	PGS.TS. Phạm Nguyên Hải	Vật lí chất rắn	- Phát triển các sensor quang học ứng dụng trong y sinh và môi trường.	02	Hỗ trợ tham gia đề tài chương trình vật lí quốc

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			- Nghiên cứu tính chất quang của vật liệu bán dẫn.		gia (chương trình trọng điểm cấp nhà nước), Học bổng VIN IF, học bổng Đại học Quốc gia...)
21.	GS.TS. Bạch Thành Công	Vật lí chất rắn	- Chế tạo băng từ mềm, siêu mềm ứng dụng làm sensor từ	01	Hỗ trợ tham gia đề tài trọng điểm cấp nhà nước
22.	GS.TS. Nguyễn Quang Báo	Vật lí lí thuyết và Vật lí toán	- Ảnh hưởng của Sóng điện từ lên một số hiệu ứng động trong các hệ Graphene hai chiều - Ảnh hưởng của Sóng điện từ lên một số hiệu ứng động trong các hệ thấp chiều bất đối xứng	02	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
23.	PGS.TS. Mạc Đình Hùng	- Hóa hữu cơ - Hóa dược	Tổng hợp các chất dị vòng có hoạt tính sinh học	02	
24.	PGS.TS. Phạm Tiến Đức	Hóa phân tích	- Chế tạo vật liệu nano oxit kim loại biến tính bề mặt để hấp phụ, làm giàu và phân tích kim loại nặng trong thực phẩm - Chế tạo vật liệu nanocomposite biến tính bề mặt để tách, làm giàu và phân tích kháng sinh, thuốc nhuộm trong mẫu môi trường	02	
25.	PGS.TS. Trần Mạnh Trí	- Hóa hữu cơ - Hóa môi trường	Nghiên cứu phát triển các phương pháp phân tích để quan trắc, đánh giá rủi ro phơi nhiễm, rủi ro sinh thái và con đường vận chuyển của các hợp chất hữu cơ trong mẫu môi trường, thực phẩm và sinh học	02	
26.	TS. Lê Thị Huyền	- Hóa hữu cơ - Hóa dược	- Nghiên cứu phân lập và chuyển hóa các hợp chất thiên nhiên có nguồn gốc từ thực vật, động vật và sinh vật biển	02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			- Nghiên cứu đánh giá hoạt tính sinh học của các hợp chất tự nhiên tìm kiếm các hoạt chất có dược tính mạnh để phát triển thành các sản phẩm chăm sóc sức khỏe con người		
27.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Việt	Hoá lí thuyết và hoá lí	- Cảm biến sinh học/điện hoá trên đế dẻo cho thiết bị đeo được trong theo dõi sức khoẻ con người. - Cảm biến điện hoá/sinh học dựa trên vật liệu nano-carbon ứng dụng trong đánh giá an toàn thực phẩm và môi trường - Chế tạo và tái chế pin Lithium thế hệ mới	02	
28.	PGS.TS. Phạm Thị Ngọc Mai	Hóa phân tích	- Tổng hợp vật liệu chấm lượng tử cacbon (CQDs) ứng dụng làm sensor huỳnh quang - Tổng hợp vật liệu tổ hợp oxit sắt từ/nano Au ứng dụng trong chiết pha rắn từ tính (MSPE)	02	
29.	PGS.TS. Nguyễn Thị Ánh Hương	Hóa phân tích	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng phương pháp điện di mao quản sử dụng detector độ dẫn không tiếp xúc trong giám định ma túy, kiểm nghiệm dược phẩm, thực phẩm, phân tích lâm sàng	02	
30.	TS. Hoàng Quốc Anh	Hóa phân tích	Nghiên cứu phát triển phương pháp phân tích, quan trắc ô nhiễm, đánh giá nguồn gốc, số phận và tác động của các chất ô nhiễm hữu cơ trong môi trường	01	
31.	PGS.TS. Nguyễn Minh Hải	Hóa vô cơ	Nghiên cứu nhận biết hợp chất nitro thơm dễ nổ sử dụng phức chất phát quang chứa anthracene/pyrene	02	
32.	PGS.TS. Nguyễn Văn Hà	Hóa vô cơ	Hóa học phức chất và ứng dụng	02	
33.	TS. Phạm Văn	Hoá hữu cơ	Xúc tác hoá học xanh	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
	Phong				
34.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoàn	Hoá lí thuyết và hoá lí	Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme nanocompozit trên cơ sở nền polyme cho các ứng dụng: cảm biến theo dõi phá huỷ vật liệu, lớp phủ, lớp phủ bảo vệ	01	
35.	GS.TS. Nguyễn Đình Thành	Hóa hữu cơ	Tổng hợp các hợp chất dị vòng chứa O, N và S có hoạt tính sinh học và nghiên cứu mô phỏng phân tử của chúng	03	
36.	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	- Hóa xúc tác - Hóa lí	Nghiên cứu xúc tác quang trong xử lí ô nhiễm hữu cơ và khử CO <sub>2</sub> thành nhiên liệu.	01	
37.	GS.TS. Nguyễn Tiến Thảo	- Hóa xúc tác - Hóa hữu cơ	- Nghiên cứu chuyển hóa các hợp chất hữu cơ, hóa dầu - Chế tạo hệ xúc tác ứng dụng cho các quá trình hữu cơ, hóa dầu và xử lí môi trường	03	
38.	PGS.TS. Nguyễn Minh Phương	Hóa môi trường	- Nghiên cứu thu hồi các thành phần có giá trị trong một số nguồn thải, ứng dụng trong xử lí môi trường và cải tạo đất - Nghiên cứu chế tạo hệ xúc tác quang dạng Z, ứng dụng cho quá trình quang oxi hoá và quá trình quang khử	02	
39.	TS. Nguyễn Minh Việt	Hóa môi trường	- Nghiên cứu chế tạo hệ xúc tác quang hóa vùng khả kiến áp dụng để xử lí các chất hữu cơ ô nhiễm - Nghiên cứu chế tạo vật liệu biến tính trên cơ sở than sinh học ứng dụng trong xử lí các chất ô nhiễm - Nghiên cứu chế tạo vật liệu có bề mặt siêu kỵ nước ứng dụng trong phân tách dầu	02	
40.	TS. Phạm Thanh	Hoá môi trường	- Nghiên cứu chế tạo các vật liệu xúc tác quang thể	02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
	Đồng		hệ mới, hoạt động hiệu quả dưới tác dụng của ánh sáng khả kiến để xử lý chất ô nhiễm hữu cơ, chuyển hoá CO <sub>2</sub> và phân tách nước		
41.	PGS.TS. Đỗ Quang Trung	Hoá môi trường	- Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ trên cơ sở biến tính khoáng Vermiculite và khảo sát khả năng xử lý ô nhiễm dầu và kim loại trong môi trường nước - Nghiên cứu quá trình chuyển hóa chất thải chăn nuôi thành nguyên nhiên liệu có giá trị phục vụ cho phát triển xanh	02	
42.	PGS.TS. Trần Đình Trinh	Hoá môi trường	Nghiên cứu chế tạo vật liệu tiên tiến đa chức năng và ứng dụng trong xử lý môi trường, tích trữ năng lượng	01	
43.	GS.TS. Nguyễn Văn Nội	Hoá môi trường	Xúc tác quang hóa vùng khả kiến áp dụng để xử lý các chất hữu cơ ô nhiễm	01	
44.	TS. Phạm Thị Lương Hằng	- Sinh dược học - Vi tảo	- Phân lập và phân loại vi tảo - Ứng dụng vi tảo trong nghiên cứu sinh dược - Ứng dụng vi tảo trong công nghệ thực phẩm	01	Hỗ trợ tham gia đề tài nghiên cứu cấp Bộ
45.	PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh	Côn trùng học/ Thủy sinh vật học	- Đa dạng sinh học và bảo tồn sinh học - Đa dạng sinh học Côn trùng nước - Phân loại học Phù du (Ephemeroptera)	02	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp nhà nước
46.	PGS.TS. Trần Anh Đức	Côn trùng học/ Thủy sinh vật học	- Nghiên cứu phân loại học côn trùng - Nghiên cứu đặc điểm sinh học và ứng dụng côn trùng thiên địch để kiểm soát các vector truyền bệnh	02	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp nhà nước
47.	TS. Đỗ Đức Sáng	Động vật học	- Đa dạng sinh học Thân mềm ở cạn - Bảo tồn và phát triển bền vững Thân mềm ở cạn	02	
48.	TS. Nguyễn Thanh	Động vật học/ Thủy	- Nghiên cứu đa dạng sinh học nhóm Giáp xác	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
	Son	sinh vật học	(Tôm, Cua)		
49.	PGS.TS. Nguyễn Thành Nam	- Ngư loại học - Sinh học và Sinh thái học thủy vực	- Tài nguyên sinh vật biển - Nghiên cứu sử dụng sinh vật biển làm chỉ thị môi trường	02	- Tham gia dự án hợp tác Đan Mạch – Việt Nam DV-WIND Project (23-M08-KU) - Tham gia dự án “Điều tra, đánh giá tổng hợp, xác định khả năng chống chịu, sức tải môi trường và hệ sinh thái các vùng biển ven bờ phục vụ phát triển kinh tế bền vững, chủ động ứng phó sự cố môi trường và thiên tai từ Quảng Ninh - Quảng Ngãi
50.	TS. Nguyễn Vĩnh Thanh	- Linh trưởng học - Lưỡng cư Bò sát học	- Tập tính và sinh thái học linh trưởng - Nghiên cứu tương tác giữa linh trưởng và con người - Điều tra thành phần loài và phân bố lưỡng cư bò sát	01	Tham gia đề tài: “Nghiên cứu hiện trạng, phân bố quần thể linh trưởng tại bán đảo Sơn Trà nhằm đánh giá tổng quan về mức độ cân bằng sinh thái, đưa ra các giải pháp quản lý, bảo tồn phù hợp” do TS. Nguyễn Vĩnh Thanh làm



STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
					chủ trì
51.	TS. Trần Trung Thành	- Sinh học biển - Ngư loại học	Sinh học và sinh thái học giai đoạn sớm của cá	01	Tham gia đề tài: “So sánh vai trò của các sinh cảnh vùng đất ngập nước ven biển Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đối với ấu trùng, cá con” – (NAFOSTED, Mã số 106.06-2020.22) do TS. TT Thành làm chủ trì.
52.	- PGS.TS. Trịnh Hồng Thái - TS. Nguyễn Thị Tú Linh	- Sinh học người - Sinh y	Nghiên cứu biểu hiện của RNA dài không mã hóa (lncRNA) ở bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ	01	Hỗ trợ tham gia đề tài QG.22.02
53.	PGS.TS. Vũ Thị Thu	- Sinh lí học - Sinh học y dược	- Phân tích cơ chế sinh bệnh lí nhóm bệnh không lây nhiễm (tim mạch, ung thư, thần kinh,...) - Sàng lọc, đánh giá các sản phẩm dược/thuốc sử dụng các mô hình bệnh thực nghiệm và mẫu bệnh phẩm liên quan.	01-02	Hỗ trợ tham gia đề tài liên quan, tham gia nhóm nghiên cứu
54.	- GS.TS. Nguyễn Thế Toàn - TS. Đỗ Minh Hà	- Lí sinh học - Sinh y dược học	Kết hợp sàng lọc in silico, in vitro một số hợp chất tự nhiên có trong bài thuốc an thần, giảm đau nhằm phát triển thuốc giảm đau hướng đích u-opioid	01	GS.TS. Nguyễn Thế Toàn – Lí sinh học, Vật lí tính toán TS. Đỗ Minh Hà – Lí sinh học, Hóa học các hợp chất TN. Trong khuôn khổ đề tài NĐT

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
					NĐT/DE/21/28
55.	- TS. Đỗ Minh Hà - GS.TS. Nguyễn Thế Toàn	- Lí sinh học - Sinh y dược học	Sàng lọc đa đích in silico, in vitro, in vivo một số hợp chất tự nhiên có trong bài thuốc cổ truyền Việt nam nhằm phát triển sản phẩm hỗ trợ điều trị gout	02	GS.TS. Nguyễn Thế Toàn – Lí sinh học, Vật lí tinh toán. TS. Đỗ Minh Hà – Lí sinh học, Hóa học các hợp chất TN Cơ sở từ đề tài QG.18.11
56.	- PGS.TS. Trịnh Hồng Thái - TS. Bùi Phương Thảo	- Sinh học người - Sinh y	Nghiên cứu xác định protein trong huyết tương/dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh thần kinh tự miễn	01	Hỗ trợ tham gia đề tài QG.22.01
57.	TS. Tô Thanh Thúy;	- Sinh lí học - Sinh học y dược - Dược lí học	- Sinh lí bệnh lí nội tiết, chuyển hóa xương và bệnh xương, sinh lí và bệnh lí thần kinh - Đánh giá tác dụng của dược chất sử dụng mô hình tế bào và động vật (cá medaka, zebrafish; chuột)	01	Nghiên cứu tác dụng hướng estrogen thực nghiệm của quả mạn kinh lá đơn ( <i>Vitex rotundifolia</i> L.f.) trên mô hình tế bào, chuột và cá.
58.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	- Vi sinh vật học - Công nghệ sinh học	- Phát triển hệ thống biểu hiện gen/chỉnh sửa hệ gen mới ở nấm sợi và nấm dược liệu phục vụ sản xuất enzyme/protein và các chất có hoạt tính sinh học - Phát triển công nghệ lai tạo giống và nuôi trồng năng suất cao nấm dược liệu <i>Cordyceps militaris</i> - Điều tra cơ chế phân tử của quá trình gây hỏng	02	Hỗ trợ từ một số đề tài đang thực hiện

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			nông sản sau thu hoạch của một số vi nấm phổ biến và biện pháp phòng trừ		
59.	PGS.TS. Hoàng Thị Mỹ Nhung	Sinh học tế bào	- Ứng dụng Tế bào gốc trong Y học tái tạo - Sàng lọc và đánh giá hoạt tính sinh học của chất trên tế bào lành và tế bào ung thư	02	Hỗ trợ tham gia đề tài VINIF
60.	TS. Đặng Văn Đức	Miễn dịch phân tử	Điều hoà các đáp ứng miễn dịch trong các bệnh tự miễn, truyền nhiễm và ung thư	01	
61.	TS. Hoàng Thị Thu Hương	Địa lí nhân văn	Địa lí du lịch	02	
62.	PGS.TS Mẫn Quang Huy	Quản lí đất đai	- Công nghệ trong Quản lí đất đai - Quản lí phát triển bền vững tài nguyên - Quy hoạch sử dụng đất	02	
63.	TS. Nguyễn Thị Hà Thành	Địa lí nhân văn	- Du lịch - Địa lí xã hội - Quản lí đất đai	02	
64.	TS. Nguyễn Hữu Duy	- Địa lí nhân văn - Địa lí tài nguyên và môi trường	- Tai biến thiên nhiên - Công nghệ quản lí tài nguyên và môi trường	02	
65.	PGS.TS. Nguyễn Hiệu	- Địa mạo và Cổ địa lí - Quản lí tài nguyên và môi trường	- Địa mạo ứng dụng - Quản lí đới bờ - Bảo vệ tài nguyên môi trường - Địa mạo truyền thống - Địa lí tổng hợp	02	
66.	PGS.TS. Bùi Quang Thành	Bản đồ viễn thám và GIS	Ứng dụng viễn thám và Hệ thống tin địa lí trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	01	
67.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Quản lí đất đai	- Quy hoạch sử dụng đất trong bối cảnh liên kết vùng và biến đổi khí hậu	02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			- Chuyển đổi sử dụng đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa - Nghiên cứu sử dụng đất nông nghiệp bền vững		
68.	PGS.TS. Đặng Văn Bào	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo ứng dụng - Quản lý đới bờ - Du lịch - Địa mạo bờ biển - Địa mạo hiện đại	02	
69.	TS. Đặng Kinh Bắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Sinh thái, dịch vụ hệ sinh thái - Địa lí nhân văn	02	
70.	TS. Ngô Văn Liêm	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo chung - Địa lí tổng hợp - Địa lí và môi trường biển - Tai biến thiên nhiên	02	
71.	PGS.TS. Đinh Thị Bảo Hoa	Bản đồ viễn thám và GIS	Ứng dụng viễn thám và Hệ thống tin địa lí trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	01	
72.	GS.TS. Nguyễn Cao Huân	- Địa lí tự nhiên - Quản lý tài nguyên và môi trường	Sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường	02	
73.	TS. Trần Văn Trường	- Địa lí tự nhiên - Quản lý tài nguyên và môi trường	Quy hoạch không gian phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường	02	
74.	GS.TS. Đỗ Minh Đức	- Địa chất - Địa kỹ thuật	- Địa kỹ thuật công trình và môi trường - Phòng tránh thiên tai và ứng phó BĐKH	1	Hỗ trợ tham gia đề tài
75.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà	- Quản lý tài nguyên và môi trường - Địa chất môi trường	- Ứng dụng viễn thám và GIS trong giám sát tài nguyên, môi trường và BĐKH	1	Hỗ trợ tham gia đề tài

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
76.	PGS.TS. Nguyễn Tài Tuệ	- Địa chất môi trường - Địa hóa môi trường	- Sức tải môi trường biển - Ô nhiễm môi trường biển	1	Hỗ trợ tham gia đề tài
77.	PGS.TS. Nguyễn Văn Vượng	Kiến tạo, địa động lực	Tiến hóa kiến tạo địa động lực và khoáng sản liên quan	1	NCS sẽ được hướng dẫn thực hiện nghiên cứu về mối quan hệ giữa các giai đoạn tiến hóa kiến tạo, địa động lực và sự hình thành quặng hóa, cấu trúc chứa khoáng hóa
78.	PGS.TS. Nguyễn Thuỳ Dương	- Địa chất học - Địa hoá học - Khoáng vật học	Dự báo biến đổi môi trường và biến đổi khí hậu ghi nhận từ trầm tích	1	Hỗ trợ tham gia đề tài
79.	PGS. TS Nguyễn Tiên Giang	Thủy văn, Tài nguyên nước	- Dự báo thủy văn, tài nguyên nước (TV& TNN) - Phân tích dữ liệu trong TV&TNN - Đánh giá Rủi ro thiên tai và BĐKH - Sạt lở bờ sông, bờ biển	04	Tham gia hỗ trợ đề tài cấp nhà nước 562 và một số đề tài cấp nhà nước khác mà giảng viên đang tham gia. (Có thể là hướng dẫn độc lập hoặc đồng hướng dẫn)
80.	TS. Lê Vũ Việt Phong	Thủy văn, Tài nguyên nước	- Dự báo TV&TNN - Thủy văn đô thị - Máy học trong TV&TNN	03	(Đồng hướng dẫn)
81.	PGS.TS. Nguyễn Minh Huân	Hải dương học	- Thủy nhiệt động lực học - Dự báo vận chuyển trầm tích và biến đổi địa mạo - Phân tích cơ sở dữ liệu dài hạn	03	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
82.	TS. Nguyễn Kim Cương	Hải dương học	- Thủy nhiệt động lực học - Phân tích cơ sở dữ liệu biển	03	Đồng hướng dẫn
83.	TS. Phạm Tiến Đạt	Hải dương học	- Thủy nhiệt động lực học biển - Phân tích thống kê dữ liệu biển	03	Đồng hướng dẫn
84.	PGS.TS. Nguyễn Minh Trường	Khí tượng và biến đổi khí hậu	- Hệ thống thời tiết nguy hiểm qui mô vừa - Xoáy thuận nhiệt đới - Gió mùa Châu Á	03	
85.	PGS.TS. Vũ Thanh Hằng	Khí tượng và Khí hậu học	- Các hiện tượng cực đoan trong bối cảnh biến đổi khí hậu	01	
86.	PGS.TS. Trần Quang Đức	- Khoa học đất - Khí tượng và Khí hậu	- Nắng nóng, phơn - Dự báo hoạt động bão	02	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
87.	GS.TS. Phan Văn Tân	Khí tượng và khí hậu học	- Dự báo mùa và nội mùa một số yếu tố và hiện tượng cực đoan - Biến đổi khí hậu và các hiện tượng cực đoan ở Việt Nam và Đông Nam Á	02	
88.	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải	- Kỹ thuật môi trường - Khoa học môi trường	- Công nghệ xử lý nước thải và chất thải rắn: Nghiên cứu tận dụng bã thải sản xuất rượu chuối theo hướng kinh tế tuần hoàn - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh để xử lý nước thải nhiễm mặn của nhà máy chế biến bột Agar từ rong câu - Chính sách và pháp luật môi trường: Nghiên cứu về pháp luật và chính sách môi trường phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển và vùng bờ	03	
89.	TS. Trần Văn Sơn	- Kỹ thuật môi trường - Khoa học môi trường	- Vật liệu xử lý môi trường - Công nghệ tiên tiến trong xử lý môi trường	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		trường			
90.	PGS.TS. Trần Thị Hồng	Khoa học môi trường	Phân tích và xử lý ô nhiễm môi trường	02	
91.	TS. Nguyễn Minh Phương	Công nghệ môi trường	- Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học - Vi sinh môi trường	01	
92.	TS. Lê Thị Hoàng Oanh	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	- Xử lý sinh học lông gà thải làm phân bón giàu nito - Phân bón giàu nito có nguồn gốc chất thải: kiểm nghiệm chất lượng, độc học và tiềm năng sản xuất, ứng dụng	01	Hỗ trợ tham gia đề tài QG 23
93.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hà	- Hóa môi trường - Công nghệ môi trường	- Công nghệ xử lý, tận dụng nước thải và chất thải rắn - Nguyên lý, cơ chế và động học loại bỏ chất ô nhiễm - Phân tích, đánh giá chất lượng môi trường và tác động, ảnh hưởng	02	Hỗ trợ tham gia đề tài
94.	PGS.TS. Phạm Thị Thúy	Kỹ thuật môi trường	- Công nghệ xử lý, tái sử dụng chất thải theo định hướng kinh tế tuần hoàn - Công nghệ xử lý nước cấp, nước thải	01	
95.	PGS.TS. Phạm Văn Anh	- Sinh thái học môi trường - Sinh thái học bảo tồn - Đa dạng sinh học và bảo tồn	- Nghiên cứu đa dạng và bảo tồn các loài lưỡng cư, bò sát - Nghiên cứu sinh thái học các loài lưỡng cư, bò sát - Nghiên cứu quy hoạch, quản lý và đề xuất các giải pháp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên - Nghiên cứu đánh giá các mối đe dọa đến đa dạng sinh học và định hướng bảo tồn đa dạng sinh học - Nghiên cứu nhân nuôi các loài động vật quý,	02	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp ĐHQG, Dự án hợp tác quốc tế, nhóm nghiên cứu; hướng dẫn xin tài trợ nghiên cứu

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			hiểm phục vụ bảo tồn và phát triển kinh tế		
96.	PGS.TS. Lê Đức Minh	Sinh thái môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ gen trong sinh thái môi trường</li> <li>- Mô hình hóa phân bố loài và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên đa dạng sinh học</li> </ul>	01	Hỗ trợ tham gia một số đề tài quốc gia và quốc tế và các hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh: Gen môi trường và bảo tồn
97.	TS. Phạm Thị Thu Hà (MCB:1185)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tác động môi trường</li> <li>- Quản lý tổng hợp lưu vực sông</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Đánh giá chất lượng môi trường</li> <li>- Mô hình hóa môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, đánh giá tác động của nguồn thải đến môi trường nước mặt/ môi trường không khí.</li> <li>- Nghiên cứu ảnh hưởng từ tổng hợp các loại nguồn thải trong lưu vực sông tới chất lượng nước sông nhằm lựa chọn các can thiệp tốt nhất để cải thiện chất lượng nước sông</li> <li>- Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến môi trường nước/ môi trường không khí.</li> <li>- Nghiên cứu, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt/ môi trường không khí</li> <li>- Nghiên cứu mô phỏng sự lan truyền các chất ô nhiễm trong môi trường không khí/ môi trường nước mặt</li> </ul>	01	
98.	PGS.TS. Trần Văn Thụy	Sinh thái môi trường và Đa dạng sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu ảnh hưởng của ô nhiễm chất thải nhựa tới HST</li> <li>- Ảnh hưởng của BĐKH tới các HST</li> <li>- Nghiên cứu thực trạng và đánh giá sức khỏe các HST</li> </ul>	01	
99.	PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm	Sinh thái môi trường và Vi sinh vật học	Nghiên cứu ứng dụng Metagenomics trong chăm sóc sức khỏe cây cà phê Robusta ở một số vùng	01	



STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		môi trường	trồng trọng điểm tại Việt Nam		
100.	PGS.TS. Phạm Thị Thu Hà	- Khoa học môi trường - Phát triển bền vững	- Đánh giá chất lượng/tác động Môi trường (không khí và nước) - Phát triển bền vững - Đánh giá tác động của Mưa axit/BĐKH đến HST/cây trồng nông nghiệp - Du lịch sinh thái/Du lịch bền vững	02	
101.	TS. Vũ Đình Tuấn	- Khoa học đất - Môi trường nông nghiệp	- Nghiên cứu phát thải khí nhà kính bằng mô hình DNDC - Đánh giá giải pháp bảo vệ, phục hồi đất đai cho phát triển nông nghiệp bền vững	01	
102.	TS. Phạm Anh Hùng	- Khoa học đất - Môi trường đất và nước - Khoa học môi trường	Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường	01	Hỗ trợ đề tài/dự án cấp tỉnh thực hiện từ năm 2023. Đồng hướng dẫn với 01 PGS hoặc GS
103.	TS. Trần Thiện Cường	Khoa học môi trường và Phát triển bền vững	Sức chịu tải môi trường; chỉ số phát triển bền vững; năng lượng môi trường	01	
104.	TS. Nguyễn Xuân Huân	- Khoa học đất - Môi trường đất và nước	- Xử lý nước thải chăn nuôi theo định hướng công nghệ xanh và kinh tế tuần hoàn. - Nghiên cứu tận thu chất thải để sản xuất phân bón nhà chậm theo định hướng công nghệ xanh và kinh tế tuần hoàn.	01	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
105.	TS. Nguyễn Hữu Huân	- Khoa học môi trường - Môi trường đất và	- Nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ mới, tiên tiến sử dụng hợp lý tài nguyên, tái chế, tái sử dụng hiệu quả chất thải công nghiệp, hướng tới nền	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		nước	kinh tế tuần hoàn - Nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ tái sử dụng chất thải, phế phụ phẩm hữu cơ trở thành nguyên liệu sản xuất theo hướng phát triển vùng nông nghiệp hữu cơ		
106.	TS. Nguyễn Thị Hạnh	- Hóa học môi trường - Môi trường đất và nước	- Vật liệu tiên tiến ứng dụng trong xử lý Môi trường - Tái chế chất thải	01	Hỗ trợ tham gia Đề tài Nafosted
107.	GS.TS. Nguyễn Ngọc Minh	- Khoa học đất - Môi trường đất	Vi nhựa, kim loại nặng trong đất	03	
108.	TS. Đinh Mai Vân	- Khoa học đất - Môi trường đất	Cải tạo môi trường đất	02	
109.	TS. Trần Thị Tuyết Thu	- Khoa học đất - Môi trường đất	- Xử lý đất ô nhiễm - Kim loại nặng - Phục hồi đất thoái hóa	01	